

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2026/DS-PT

Ngày: 04/02/2026

V/v tranh chấp: "*Yêu cầu thanh toán chi phí thực hiện công việc không có ủy quyền; Thừa kế*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Giàu**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Phú Thọ**

Ông **Nguyễn Lê Huy**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 866/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp "*Yêu cầu thanh toán chi phí thực hiện công việc không có ủy quyền; Thừa kế*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1483/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 139, ấp B T 2, xã L V, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phụng: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số 139, ấp B T 2, xã L V, tỉnh Đồng Tháp

* **Bị đơn:** Trần Lưu Ngọc Y, sinh ngày 17/01/2008

Địa chỉ: Số A, ấp B T 2, xã L V, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện hợp pháp (đại diện theo pháp luật) của em Yến: Bà Lưu Lê L, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số A, ấp B T 2, xã L V, tỉnh Đồng Tháp

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1- Bà Trần Thị Cẩm B, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 805, ấp A M, xã H A, tỉnh An Giang;

2- Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 15, khóm H T, phường M T, tỉnh An Giang

** Người làm chứng:*

1- Bà Trần Thị B, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số 357, ấp B T 2, xã L V, tỉnh Đồng Tháp

2- Bà Hồ Thị Bích H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 395, ấp B H 1, xã L V, tỉnh Đồng Tháp

3- Bà Trương Thị L, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số 339, ấp B T 2, xã L V, tỉnh Đồng Tháp.

** Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Thị Kim P

Anh T, bà P, chị L, Y có mặt tại phiên toà

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim P, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh T trình bày:*

Ông Trần Văn T, sinh năm 1969, chết ngày 09/6/2022 (theo Trích lục khai tử số 59/TLKT-BS, ngày 20/6/2022, của Ủy ban nhân dân thị trấn L V), ông T là em ruột của nguyên đơn bà Trần Thị Kim P.

Vào năm 2007, ông T quen biết và kết hôn với bà Lưu Lệ L. Quá trình sống chung hai người có một người con chung là Trần Lưu Ngọc Y, sinh ngày 17/01/2008.

Đến ngày 05/3/2019, ông T và bà L ly hôn theo Quyết định số 43/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Theo đó, cháu Ngọc Y sống cùng với mẹ. Về tài sản chung hai vợ chồng tự thỏa thuận.

Sau khi ly hôn, ông T có tài sản riêng là 03 thửa đất: Thửa đất số 392, tờ bản đồ số 07, diện tích 985m², mục đích sử dụng: đất trồng lúa; Thửa đất 145, tờ bản đồ số 39, diện tích 128,3m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị: 100m², đất cây trồng lâu năm: 28,3m²; Thửa đất số 101, tờ bản đồ 35, diện tích 499,0m², mục đích sử dụng: đất cây trồng lâu năm. Cả ba thửa đất đều tọa lạc tại thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Đến ngày 04/6/2022, ông T đột ngột bị bệnh tai biến nặng và nhập viện cấp cứu. Nhưng do tình trạng ông T đã chuyển biến nặng nên kết quả không điều trị được, sau đó ông T đã chết vào ngày 09/6/2022.

Do ông T không có đóng bảo hiểm y tế nên chi phí điều trị phải trả cao, toàn bộ chi phí điều trị bà P đã bỏ tiền của mình ra ứng trả cho ông T với số tiền: 29.400.000 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng). Cụ thể là:

- Chi phí tại Trung tâm y tế huyện Lập Vò - nhập viện cấp cứu 01 ngày: 2.000.000 đồng.

- Chi phí tại Bệnh viện Đa khoa Long Xuyên - nhập viện 01 ngày: 10.000.000 đồng

- Tiền xe cấp cứu chuyển Bệnh viện SIS Cần Thơ: 2.000.000 đồng.

- Chi phí tại Bệnh viện SIS Cần Thơ - nhập viện 01 ngày: 15.400.000 đồng.

Phần tiền này, bà P xuất tiền ra nhưng có nhờ các chị em gái của mình và ông T là chị Trần Thị Cẩm B và chị Trần Thị Thu T trực tiếp thực hiện thủ tục chi trả với Bệnh viện. Do bà P lớn tuổi không rành chữ nghĩa nên không tiện làm thủ tục.

Khi ông T chết thì cháu Trần Lưu Ngọc Y còn quá nhỏ không thể tự lo hậu sự cho cha mình được, bà Lưu Lệ L cũng đã ly hôn với ông T nên không đồng ý trả các chi phí đám tang. Bà P là chị lớn trong gia đình nên đã đứng ra tổ chức đám tang cho ông T theo phong tục tập quán của địa phương còn phải tổ chức các buổi lễ cúng tuần, cúng 100 ngày,...

Gia đình bà P có người thân, họ hàng đông và ông T cũng có nhiều bạn bè nên khi hay tin ông T qua đời thì mọi người đến viếng rất đông. Do đó, chi phí tổ chức đám tang rất nhiều, bà P đã dùng tiền của mình ứng trước để lo toàn bộ chi phí tổ chức hậu sự mai táng, cúng tuần, cúng 100 ngày, đám giỗ giáp năm,... làm mái che và bờ kè phần đất mồ mã của ông T bị sạt lở. Chi phí bà P đã ứng ra để chi trả là 200.564.000 đồng (hai trăm triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Cụ thể là các khoản:

- Tiền hàn, quần áo lễ tang: 37.000.000 đồng (Có hóa đơn).

- Vật liệu xây dựng xây mộ: 18.050.000 đồng (Có hóa đơn).

- Đá hoa cương dán mộ: 19.000.000 đồng (Có hóa đơn).

- Bia mộ: 500.000 đồng (Có hóa đơn).

- Đào huyệt: 1.000.000 đồng.

- Tiền công thợ xây mộ: 2.000.000 đồng.

Tiền đi chợ cho đám tang: Chi phí tiền bông hoa cúng, trang trí đám tang, trà bánh, nước, thức ăn tiếp khách,...cho 03 ngày: 42.000.000 đồng.

- Tiền mua đồ cúng 07 cái thắt: 21.000.000 đồng (3.000.000 đồng/1 thắt).

- Đám cúng 100 ngày: 6.000.000 đồng.

- Đám giỗ giáp năm: 8.000.000 đồng.

- Làm mái che và bờ kè phần đất mồ mã của ông Thợ bị sạt lở:

- + Tiền bơm cát, công thợ xây: 17.000.000 đồng (Có biên nhận).

- + Vật liệu xây dựng: 22.180.000 đồng (Có hóa đơn).
- + Tiền tol, sắt: 4.410.000 đồng; Tiền thợ sắt: 2.000.000 đồng (Có hóa đơn).
- + Tắc kê sắt, nước sơn: 424.000 đồng (Có hóa đơn).

Đồng thời sau khi ông T chết, bà P còn trông coi căn nhà của ông T, tới lui lau chùi, quét rửa, dọn dẹp căn nhà, đốt nhang thờ cúng cho ông T tại địa chỉ số 354A, khóm B T 2, thị trấn L V, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Lâu lâu cháu Y có tới lui sinh sống tại đây. Trong thời gian quản lý nhà, bà P đã chi trả phần tiền điện, nước sử dụng từ tháng 5/2022 đến tháng 02/2024 với số tiền là 4.499.893 đồng (Có Biên lai thu tiền và Bảng kê kèm theo).

Trước đây, cháu Y có khởi kiện bà P về việc chia thừa kế di sản của ông T, tuy nhiên ngày 20/3/2024 bà P đã giao lại căn nhà nêu trên và toàn bộ tài sản trong nhà cho cháu Y và bà L quản lý, cháu Y và bà L đã sinh sống tại căn nhà của ông T từ đó cho đến nay, nên cháu Y đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 120/2024/QĐST-DS, ngày 19/4/2024.

Theo đó, bà P được biết cháu Y đã khai nhận di sản thừa kế và được cơ quan thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất nêu trên của ông T. Do đó, cháu Y phải có nghĩa vụ thực hiện các nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan đến việc thừa kế tài sản của ông T, cụ thể là các khoản tiền mà bà P đã chi trả cho ông T như đã nêu trên và trả thù lao mà bà P đã có công quản lý, giữ gìn căn nhà của ông T theo quy định pháp luật tính từ sau khi ông T qua đời đến ngày bà P giao lại nhà cho cháu Y và bà L (6/2022 – 3/2024: 22 tháng) với mức thù lao 1.500.000 đồng/tháng, số tiền thù lao phải trả là: 33.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà cháu Y phải trả cho bà P là: 267.463.893 đồng. Trong đó: Chi phí điều trị: 29.400.000 đồng; Chi phí mai táng, làm đám, làm mộ, bờ kè: 200.564.000 đồng; Chi phí điện, nước: 4.499.893 đồng; Thù lao quản lý di sản là căn nhà là: 33.000.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu cháu Y phải trả cho nguyên đơn tổng cộng 237.584.000 đồng gồm (chi phí điều trị cho ông Thơ tổng là 10.520.000 đồng; chi phí mai táng, chôn cất là 77.550.000 đồng; chi phí xây dựng bờ kè là 46.014.000 đồng; chi phí tổ chức đám tang, tuần thất, đám giỗ giáp năm tổng cộng là 77.000.000 đồng; tiền điện, nước là 4.499.893 đồng; và chi phí quản lý di sản là căn nhà của ông T là 22.000.000 đồng). Ngoài ra phía nguyên đơn còn không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn vì cho rằng nguyên đơn không biết, không giữ những tài sản của ông T như bị đơn yêu cầu.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn cháu Trần Lưu Ngọc Y và người đại diện hợp pháp của cháu Y là bà Lưu Lệ L có yêu cầu phản tố trình bày:*

Em Y và bà L thống nhất ý kiến của bà P về mối quan hệ của bà P, ông T,

em Y, sự việc ông T bệnh nằm viện chết và việc cháu Y được khai nhận di sản của ông T là 03 thửa đất nêu trên. Tuy nhiên hiện cháu Y chưa toàn quyền sử dụng các thửa đất trên và sẽ khởi kiện tranh chấp đất đai bằng một vụ án khác.

Khi ông T nằm viện có bà P, Cô Bảy tên T, Cô Sáu tên T, Cô Năm tên B, Dì T cùng đi chăm sóc tại các Bệnh viện, nên không rõ ai là người chi trả chi phí điều trị tại các nơi. Em Y thống nhất trả số tiền là chi phí điều trị theo hóa đơn chứng từ mà Tòa án thu thập được là 8.493.757 đồng (theo chứng từ) cho người đã chi trả thực tế (không rõ là ai). Em Y thừa nhận không chi trả tiền lúc cha đang điều trị bệnh.

Việc chôn cất, làm đám tang, cúng các lễ là do bà P tự ý làm, Y không nhờ, không ủy quyền cho bà P làm những công việc này. Theo Y biết thì bà P có thực hiện các công việc này, nhưng với quy mô không lớn để phát sinh chi phí lớn như bà P trình bày, mà làm đơn giản.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Y đồng ý chi trả cho bà P các khoản như sau:

- Chi phí điều trị cho ông T tại Trung tâm y tế huyện Lập Vò là 650.000 đồng;

- Chi phí điều trị cho ông T tại Bệnh viện đa khoa thành phố Long Xuyên là 3.600.000 đồng.

- Tiền xe cấp cứu đưa ông T đi Bệnh viện SIS Cần Thơ là 2.000.000 đồng

- Chi phí điều trị cho ông T tại bệnh viện SIS Cần Thơ là 4.500.000 đồng

- Tiền mua quan tài, quần áo lễ tang, toàn bộ chi phí xây mộ cho ông T là 50.000.000 đồng.

- Tiền điện, nước nhà ông T mà bà P đã đóng là 4.000.000 đồng

Tổng cộng số tiền mà bà P đã bỏ ra mà cháu Y đồng ý thanh toán là 64.750.000 đồng.

Ngoài ra cháu Y không chấp nhận trả thêm cho bà P chi phí nào, vì các chi phí bà P yêu cầu quá cao. Việc tổ chức ma chay, lễ cúng, đúng là do bà P chi trả nhưng bà P yêu cầu số tiền không đúng thực tế phát sinh và vượt quá khả năng chi trả của cháu Y nên không đồng ý. Về phần chi phí làm bờ kè, nhà mồ là do bà P tự ý thực hiện, cháu Y và bà L không đồng ý làm nên không đồng ý trả. Về chi phí quản lý di sản, cháu Y không đồng ý trả theo yêu cầu bà P vì cho rằng lúc bấy giờ bà P tự ý vào bao chiếm, ngăn cản việc cháu Y thừa kế sử dụng di sản cha mình để lại chứ không phải quản lý di sản như bà P trình bày và yêu cầu. Khi đó, cháu Y đã phải khởi kiện bà P để đòi lại các quyền sử dụng đất nhà là di sản của cha để lại, yêu cầu khởi kiện của cháu Y đã được Tòa án thụ lý, trong quá trình giải quyết bà P trả lại tài sản nên cháu Y rút yêu cầu khởi kiện, Tòa án đã đình chỉ.

Ngoài ra, khi ông T chết, có để lại một số di sản khác, bà P tự ý lấy và định đoạt (bán lấy tiền chi xài) nên nay, Y có yêu cầu phản tố yêu cầu bà P phải hoàn trả cho Y các tài sản trên. Cụ thể:

- 01 con tỷ hưu 01 chỉ vàng 24k giá 11.000.000 đồng
- 01 dây chuyền vàng 18k trọng lượng 07 chỉ giá 59.500.000 đồng (Tạm tính giá vàng 8.500.000 đồng/chỉ).
- 01 chiếc xe gắn máy hiệu Vario biển số 66L1 - 45875 do ông Trần Văn T đứng tên bà P đem bán 35.000.000 đồng.
- Số tiền ông Nguyễn Trung T trả cho ông T nhưng bà P đã nhận sau khi ông T chết với số tiền 50.000.000 đồng.

Tổng cộng: 155.500.000 đồng.

Vì thế bị đơn cháu Trần Lưu Ngọc Y đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn bà Trần Thị Kim P, cháu Y yêu cầu Toà án buộc bà Trần Thị Kim P phải trả lại cho cháu Y số tiền tổng cộng là 155.500.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

Cháu Y xác định tại phiên hòa giải do Hòa giải viên Nguyễn Văn D tổ chức bà P đã thừa nhận, có tên ghi họ tên vào Biên bản hòa giải ngày 14/3/2023 với nội dung ghi nhận việc đang chiếm hữu các tài sản như cháu Y đã nêu. Sau buổi hòa giải Hòa giải viên có giao Biên bản hòa giải cho cháu Y giữ, nay cháu xuất trình để chứng minh lời trình bày và yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa, bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn là cháu Y tự nguyện chi trả theo yêu cầu của nguyên đơn đối với các khoản chi phí gồm: chi phí điều trị cho ông T tại các bệnh viện tổng là 10.520.000 đồng; chi phí mai tang, chôn cất là 77.550.000 đồng; chi phí xây dựng bờ kè là 46.014.000 đồng; tiền điện, nước là 4.499.893 đồng.

Riêng chi phí tổ chức đám tang, tuần thất, đám giỗ giáp năm bị đơn không đồng ý chi trả số tiền là 77.000.000 đồng theo yêu cầu nguyên đơn mà chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn tổng chi phí tổ chức đám tang, tuần thất, đám giỗ giáp năm là 20.000.000 đồng vì bị đơn cho rằng khi bà P tổ chức các Lễ cúng này với quy mô rất nhỏ chỉ những người trong gia đình dự, không có nhiều khách như bà P nói. Bị đơn cũng không đồng ý trả chi phí quản lý di sản là căn nhà của ông T với số tiền 22.000.000 đồng như bà P yêu cầu vì cho rằng thời gian đó, bà P tự ý khóa cửa nhà không cho bị đơn sử dụng, không phải cháu Y không đến chăm lo như P trình bày, việc bà P quản lý căn nhà là do ngăn cản không cho Y sử dụng, hoàn toàn không phải quản lý di sản như bà P trình bày.

** Tại phiên tòa người làm chứng Hồ Thị Bích H trình bày:*

Bà H là em dâu của nguyên đơn và bác dâu của bị đơn. Bà H, xác định mình là người trực tiếp đi chợ mua thịt cá, đồ biếu cho bà P, để làm đám cho ông T. Bà H cho rằng đám tang ông T chỉ diễn ra trong một ngày, nhưng trước khi ông T chết, bà P có nhờ mua nhiều thịt, cá, hải sản để tiếp đãi bạn bè của ông T từ xa đến thăm, nhưng không nhớ cụ thể số tiền đi chợ tổng cộng.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 7 – tỉnh Đồng Tháp đã áp dụng: Các điều 166, 576, 611, 612, 613, 651 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số*

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Trần Lưu Ngọc Y, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Kim P.

Buộc bị đơn Trần Lưu Ngọc Y thanh toán cho nguyên đơn Trần Thị Kim P chi phí thực hiện công việc không ủy quyền (chi phí chữa trị; tổ chức mai táng, chôn cất, xây dựng mồ mã, bờ kè phần mộ; và tổ chức đám tang, cúng 07 tuần, cúng 100 ngày, đám giỗ giáp năm; tiền điện, tiền nước bà Phượng đã đóng thay) tổng số tiền: 158.584.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu, năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Lưu Ngọc Y.

Buộc nguyên đơn bà Trần Thị Kim P phải trả cho bị đơn Trần Lưu Ngọc Y giá trị các tài sản là di sản của ông Trần Văn T để lại (gồm: 01 con tỳ hưu 01 chỉ vàng 24k; 01 dây chuyền vàng 18k trọng lượng 07 chỉ; 01 chiếc xe gắn máy hiệu Vario biển số 66L1 - 45875 do ông Trần Văn T; Số tiền 50.000.000 đồng ông Nguyễn Trung T trả cho ông Trần Văn T sau khi ông T chết) tổng cộng số tiền: 155.500.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2025, nguyên đơn bà Trần Thị Kim P kháng cáo với nội dung: Buộc bị đơn Trần Lưu Ngọc Y có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Kim P số tiền 158.583.000 đồng và thù lao quản lý, giữ gìn căn nhà của ông T là 33.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh, không được bị đơn thừa nhận, bà P không được chỉ định là người quản lý di sản; đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Hội đồng xét xử nhận định:

[I]- Giữa nguyên đơn Trần Thị Kim P thống nhất với bị đơn Trần Lưu Ngọc Y số tiền chi phí đám tang cho ông T là 158.584.000 đồng nên không xem xét. Chỉ xem xét đối với phần bà P kháng cáo không đồng ý theo bản án sơ thẩm về thù lao quản lý, giữ gìn căn nhà của ông T là 33.000.000 đồng và về phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

[I.1]- Đối với phần thù lao quản lý, gìn giữ di sản: Do bà P với cháu Y là hàng thừa kế của ông T không có sự thống nhất về giao, quản lý, gìn giữ di sản, có sự tranh chấp vào năm 2023; cháu Y không có giao và việc quản lý của bà P là do bà P tới lui, không trực tiếp sinh sống; bà P không có căn cứ chứng minh để được hưởng quyền của người quản lý di sản, để được hưởng thù lao theo thảo thuận với người thừa kế là cháu Y, cháu Y không đồng ý theo yêu cầu của bà P nên không có cơ sở để xem xét.

[II.2]- Đối với số tiền yêu cầu phản tố của bị đơn là 155.500.000 đồng gồm: 01 con tỳ hưu 01 chỉ vàng 24k, 01 dây chuyền vàng 18k trọng lượng 07 chỉ, 01 chiếc xe gắn máy hiệu Vario biển số 66L1 – 45875, số tiền 50.000.000 đồng ông Nguyễn Trung T trả cho ông Trần Văn T sau khi ông T chết là số tài sản của ông T mà bà P giữ và tiêu xài là trên cơ sở lời trình bày của bà P cho cháu Y biết; cụ thể là tại Biên bản hoà giải tiền tố tụng ngày 14/3/2023, Biên bản ghi lời khai bà P ngày 11/01/2024 thừa nhận có quản lý, bán và nhận tiền của ông Nguyễn Trung T trả cho ông T để tiêu xài. Sau khi chết ông T không phải thực hiện nghĩa vụ cho người nào khác, do đó bà P phải có nghĩa vụ giao trả lại cho cháu Y theo pháp luật thừa kế.

Từ những cơ sở pháp lý nêu trên, yêu cầu kháng của của bà P là không có căn cứ để xem xét, án sơ thẩm xét xử là có căn cứ và phù hợp pháp luật, cần thiết giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[III]- Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về án phí: Bà P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được miễn do là người cao tuổi.

[IV]- Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Kim P uỷ quyền cho anh Nguyễn Thanh T.

Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ các Điều 166, 576, 611, 612, 613, 651 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Trần Lưu Ngọc Y, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Kim P.

Buộc bị đơn Trần Lưu Ngọc Y thanh toán cho nguyên đơn Trần Thị Kim P chi phí thực hiện công việc không uỷ quyền (chi phí chữa trị; tổ chức mai táng, chôn cất, xây dựng mồ mã, bờ kè phần mộ; và tổ chức đám tang, cúng 07 tuần, cúng 100 ngày, đám giỗ giáp năm; tiền điện, tiền nước bà Phượng đã đóng thay) tổng số tiền: 158.584.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu, năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Lưu Ngọc Y.

Buộc nguyên đơn bà Trần Thị Kim P phải trả cho bị đơn Trần Lưu Ngọc Y giá trị các tài sản là di sản của ông Trần Văn T để lại (gồm: 01 con tỳ hưu 01 chỉ vàng 24k; 01 dây chuyền vàng 18k trọng lượng 07 chỉ; 01 chiếc xe gắn máy hiệu Vario biển số 66L1 - 45875 do ông Trần Văn T; Số tiền 50.000.000 đồng ông Nguyễn Trung T trả cho ông Trần Văn T sau khi ông Thơ chết) tổng cộng số tiền: 155.500.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng).

* Kể từ ngày ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị Kim P được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

5. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp; (1)
- THADS tỉnh Đồng Tháp; (1)
- TAND Khu vực 7 – Đồng Tháp; (1)
- Các đương sự; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Giàu